

Bản án số: 44/2024/HS-ST
Ngày: 03/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Hảo

- Ông Nguyễn Văn Sự

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hùng Vĩ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 5 đến ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/HSST-QĐ ngày 17/5/2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn K** (tên gọi khác: không); sinh ngày 06/9/1993, tại huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị H; có vợ Nguyễn Thị Kim A và 03 con; tiền án, tiền sự: chưa; nhân thân: ngày 07/7/2015, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ, về tội “bắt, giữ người trái pháp luật”. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”, “tạm hoãn xuất cảnh”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú. Có mặt.

2. Họ và tên: **Bùi Ngọc C** (tên gọi khác: không); sinh ngày 03/6/1986, tại huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: khu B, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Ngọc C1 và bà Phí Thị X; có vợ Lý Thị X1 và 03 con; tiền án, tiền sự: chưa; nhân thân: ngày 02/11/2010, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội “che giấu tội phạm”. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”, “tạm hoãn xuất cảnh”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú. Có mặt.

3. Họ và tên: **Phan Duy H1** (tên gọi khác: không); sinh ngày 23/7/2000, tại huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn L, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Duy H2 và bà Nguyễn Thị N; có vợ Vũ Thị D; con: chưa có; tiền án, tiền sự: chưa. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”, “tạm hoãn xuất cảnh”, hiện tại ngoại ở nơi cư trú. Có mặt.

Bị hại: anh Trịnh Văn H3, sinh năm 1974; nơi thường trú: thôn A, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: số nhà B đường T, khu F, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt ngày 31/5/2024 (có đơn xin xét xử vắng mặt). Có mặt ngày 03/6/2024.

Người làm chứng:

+ Anh Lương Văn T1, sinh năm 1991; nơi thường trú: khu T, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: khu T, phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: tối ngày 28/3/2023, Nguyễn Văn K, Bùi Ngọc C, Phan Duy H1 cùng một số bạn đến quán K1 ở đường T, thuộc khu F, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, để hát Karaoke. Quá trình hát, nhóm của K yêu cầu bố trí nhân viên phục vụ rót bia, bấm bài hát, nên anh Lương Văn T1 (chủ quán Karaoke) đã gọi điện thoại cho anh Trịnh Văn H3 (sinh năm 1974, trú tại: thôn A, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh) là chủ quán K2 gần đó để mượn nhân viên và được anh H3 cho chị Ốc Thị N1 đến phục vụ nhóm của K.

Trong lúc phục vụ, chị N1 bị nhóm của K trêu chọc nên đã bỏ ra ngoài và gọi anh H3 đến đón về. Tuy nhiên, chờ một lúc không thấy anh H3 đến, chị N1 đã nhờ anh T1 chở về quán K2. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 29/3/2023, anh H3 đi xe mô tô đến quán K1 để đón chị N1, cùng lúc này nhóm của K cũng nghỉ hát và xuống quầy lễ tân để thanh toán. Thấy anh H3 đến, K trêu anh H3 và nói là để K chở nhân viên về cho. Khi đó anh H3 nói là “*người nhà tao, cần đéo gì chúng mày phải quan tâm*”. Thấy thái độ của anh H3 như vậy nên K đi qua mặt, vòng về phía sau lưng anh H3 rồi quay lại dùng tay tát vào mang tai anh H3 02 cái. Cùng lúc này, C và H1 cũng lao vào dùng chân, tay đấm đá vào vùng bụng, ngực anh H3, anh H3 dùng chiếc ô đang cầm trên tay vụt về phía Chính nhưng không trúng, thì bị C tiếp tục dùng chân đạp vào người khiến anh H3 ngã về phía sau, rồi C, K, H1 cùng lao vào dùng chân đá, đạp nhiều phát vào vùng ngực, bụng của anh H3 gây thương tích. Bị đánh, anh H3 đứng dậy bỏ chạy về phía quán K3 gần đó, thì K, C, H1 không đuổi đánh nữa và đi về. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, K nhắn tin cho anh H3 xin lỗi và hứa sẽ bồi thường thương tích cho anh H3. Anh Hiệp đồng ý và chờ đến ngày 04/4/2023 nhưng không thấy K đến xin lỗi và bồi thường, đồng thời thấy vết thương ở phần bụng bị bầm tím nên anh H3 đến Trung tâm Y tế thành phố M để khám và được chuẩn đoán bị gãy 04 xương sườn. Anh H3 điều trị thương tích đến ngày 17/10/2023, thì có đơn trình báo Cơ quan Cảnh

sát điều tra Công an thành phố M, yêu cầu khởi tố vụ án hình sự để điều tra, xử lý đối với Nguyễn Văn K, Bùi Ngọc C và Phan Duy H1.

Tại bản Kết luận giám định về tổn thương cơ thể trên người sống số: 850/KLTTCT-TTPY ngày 20/10/2023, của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Q kết luận thương tích của anh Trịnh Văn H3: chấn thương ngực kín tổn thương như sau: gãy xương sườn 8, 9, 10 bên trái 2 điểm và gãy xương sườn 12 bên trái; tràn dịch màng phổi trái, hiện tại không còn tràn dịch.

Kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Trịnh Văn H3 tại thời điểm giám định là 12% (mười hai phần trăm). Tổn thương nêu trên do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

Tại Công văn số: 09/24/CV-TTPY ngày 28/02/2024, của Trung tâm P xác định: thương tích gãy 04 xương sườn ngực trái của anh Trịnh Văn H3 phù hợp với lời khai thời gian xảy ra vụ việc ngày 29/3/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Văn K, Bùi Ngọc C và Phan Duy H1 đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh H3 số tiền 100.000.000 đồng, anh H3 không có yêu cầu bồi thường gì khác và có đơn đề nghị không xử lý hình sự đối với K, C và H1.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn K, Bùi Ngọc C và Phan Duy H1 khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, bị cáo K còn khai khi anh H3 đến quán K1, K trêu anh H3 và nói để K chở nhân viên về cho thì anh H3 nói xúc phạm và thách thức nên K đã đi qua mặt anh H3 vòng về phía sau dùng tay tát 02 cái vào mặt anh H3; thấy K và H3 đánh nhau lên H1 vào can ngăn thì bị anh H3 vung tay vào ngực H1, H1 tưởng anh H3 đánh nên đã lao vào dùng tay nắm 01 cái vào ngực anh H3 còn C và T2 đi ra sau, khi ra đến quầy thu ngân thì anh Lương Văn T1 bảo là đang đánh nhau ngoài cửa quán nên C chạy ra xem thì thấy K và H1 đang chửi nhau với anh H3, tại đây H1 bảo “*em với K vừa đánh H3*”, C hỏi H1 “*lý do tại sao lại đánh người ta*” nhưng H1 không trả lời nên C đã tát H1 02 cái rồi bảo H1 đi về. Lúc này, anh H3 đứng sau lưng C chửi “*địt mẹ chúng mày vào hùa với nhau, anh em mày đánh tao, xong mày ra, mày xoa*”, rồi cầm ô vụt về phía C nhưng không trúng người mà trượt vào tay, thì bị C dùng chân đạp vào người khiến anh H3 ngã về phía sau, rồi C, K, H1 cùng lao vào dùng chân đá, đạp nhiều phát vào vùng ngực, bụng của anh H3 gây thương tích.

Bị hại anh Trịnh Văn H3 vắng mặt tại phiên tòa ngày 31/5/2024, nhưng trong hồ sơ và đơn xin xét xử vắng mặt có lời khai cơ bản phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa về diễn biến vụ việc. Trong đó, anh H3 thừa nhận khi thấy bị cáo K nói để K chở nhân viên về cho, do sẵn bực tức trong người, anh đã chửi và có lời nói thách thức các bị cáo, nên mới xảy ra sự việc trên. Sau khi sự việc xảy ra và trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã đến xin lỗi và tự nguyện thỏa thuận, bồi thường thiệt hại cho anh H3 với tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Nhưng anh thấy hành vi của các bị cáo là coi thường pháp luật, nên anh không rút đơn yêu cầu khởi tố, mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngày 03/6/2024, anh H3 có mặt tại phiên tòa nhưng anh H3 không

có ý kiến gì về phần tội danh và rút một phần quyết định truy tố của Kiểm sát viên đối với các bị cáo về tình tiết định khung hình phạt “có tính chất côn đồ” từ điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1) Điều 134 xuống khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự và tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người làm chứng anh Lương Văn T1 có lời khai trong hồ sơ vụ án thể hiện: sau khi chở chị N1 về quán K2, anh Tiến q về quán K1 thì thấy anh H3 đang đứng trước cửa quán cãi chửi nhau với một số khách hát trong quán đi ra. Lúc này, anh T1 thấy anh H3 bị 04 nam thanh niên ôm quật nhau ở ngoài cửa rồi nhóm này đuổi đánh anh H3, bị đánh anh H3 chạy ra khu vực gần cửa quán Diamond, do sợ họ đập phá đồ đạc trong quán nên anh T1 đi vào bên trong kiểm tra. Khoảng 03 phút sau anh T1 đi ra thì 04 nam thanh niên đi về quán K1 đứng nói chuyện một lúc rồi lấy xe máy đi về, còn anh H3 đi đâu anh T1 không biết.

Tại bản Cáo trạng số: 34/CT-VKSMC, ngày 31/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái truy tố các bị cáo Nguyễn Văn K, Bùi Ngọc C, Phan Duy H1 về tội “cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố tại bản Cáo trạng về tội danh, nhưng rút một phần quyết định truy tố đối với các bị cáo về tình tiết định khung hình phạt “có tính chất côn đồ”; cụ thể: rút tình tiết quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1) Điều 134 xuống khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích nội dung vụ án, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị với Hội đồng xét xử: tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn K, Bùi Ngọc C, Phan Duy H1 phạm tội “cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn K từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Bùi Ngọc C từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Phan Duy H1 từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn K, Phan Duy H1 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Bình trong việc giám sát, giáo dục.

Giao bị cáo Bùi Ngọc C cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố M, tỉnh

Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn K, Bùi Ngọc C, Phan Duy H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng truy tố. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như vật chứng đã thu giữ; sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường; kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người, phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: khoảng 00 giờ 30 phút ngày 29/3/2023, tại khu F, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, do mâu thuẫn trong sinh hoạt, Nguyễn Văn K, Bùi Ngọc C, Phan Duy H1 đã dùng tay, chân đấm, đá và đạp liên tiếp vào phần ngực, bụng anh Trịnh Văn H3 gây thương tích, làm anh H3 bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ là 12% (mười hai phần trăm). Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái truy tố các bị cáo với tội danh trên là có căn cứ. Tại phiên tòa sau khi kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên đã rút một phần truy tố các bị cáo từ tình tiết định khung hình phạt “*có tính chất côn đồ*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1) Điều 134 xuống khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy việc rút một phần truy tố của Kiểm sát viên đối với các bị cáo là có căn cứ, truy tố các bị cáo

về tội “cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự là phù hợp và có căn cứ theo quy định tại Điều 13 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, chấp nhận rút một phần truy tố của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 319 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác là khách thể được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo.

[3] Về vai trò các bị cáo trong vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, đây là vụ án đồng phạm giản đơn vì các bị cáo phạm tội không có sự bàn bạc, phân công cụ thể vai trò trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Văn K là người dùng tay đánh bị hại trước nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án; các bị cáo Bùi Ngọc C, Phan Duy H1 khi thấy K đánh bị hại thì các bị cáo vào can ngăn thì xảy ra xô xát, lời qua tiếng lại, chửi bới nên đã dùng tay, chân đánh bị hại, do đó các bị cáo C, H1 có vai trò ngang nhau và phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình nhưng thấp hơn bị cáo K.

[4] Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm minh, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, nhằm mục đích giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện bồi thường theo yêu cầu của bị hại gồm: chi phí điều trị, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe và các khoản chi phí khác tổng số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để khắc phục hậu quả, do hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, cần cho các bị cáo K, C, H1 hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy đến nay các bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, hành vi phạm tội mang tính bộc phát, các bị cáo đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Mặt khác, các bị cáo Nguyễn Văn K, Bùi Ngọc C, Phan Duy H1 đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ không có việc làm, bố mẹ thường xuyên ốm đau và là lao động chính trong gia đình, được chính quyền địa phương xác nhận các bị cáo luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Do đó, không cần thiết cách ly các bị cáo mà để các bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội cùng với sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình thì cũng thể hiện sự nghiêm khắc với hậu quả

của các bị cáo gây ra, đồng thời cũng đủ cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và sẵn để phòng ngừa chung. Vì vậy, chưa cần thiết buộc các bị cáo phải đi chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương để các bị cáo thấy được tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa mà tích cực cải tạo thành người lương thiện, công dân có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: sau khi vụ án xảy ra, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của anh Trịnh Văn H3 số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Anh H3 không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không đề cập.

[7] Về nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm: cần buộc các bị cáo Nguyễn Văn K, Bùi Ngọc C, Phan Duy H1 phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo **Nguyễn Văn K, Bùi Ngọc C, Phan Duy H1** phạm tội “cố ý gây thương tích”;

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 và khoản 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn K 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Bùi Ngọc C 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: bị cáo Phan Duy H1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn K, Phan Duy H1 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Bình trong việc giám sát, giáo dục.

Giao bị cáo Bùi Ngọc C cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của

bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào: điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 25, 26 và 27/2024/HSST-LCCT ngày 03/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh đang áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Văn K, Bùi Ngọc C, Phan Duy H1.

*. Về nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm: căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn K, Bùi Ngọc C, Phan Duy H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

*. Về quyền kháng cáo: căn cứ vào khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Móng Cái;
- CQĐT Công an thành phố Móng Cái;
- Thi hành án HS+DS;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu án văn + Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thùy Dương